

Số: *31* /2017/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *20* tháng *12* năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế Tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1, điều 7, Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 hướng dẫn về Thuế Tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 591/TTr-STC ngày 20/10/2017 và Báo cáo số 2813/BC-STC ngày 30/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, gồm:

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại.
(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)
2. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại.
(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)
3. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm của rừng tự nhiên.
(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)
4. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với hải sản tự nhiên.
(Chi tiết theo Phụ lục 4 đính kèm)
5. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên.
(Chi tiết theo Phụ lục 5 đính kèm)
6. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với yên sào thiên nhiên.
(Chi tiết theo Phụ lục 6 đính kèm)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 2 Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên (trừ các nhóm, loại tài nguyên: nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện; dầu thô, khí thiên nhiên, khí than).

2. Tổ chức, cá nhân nhận thầu thi công công trình trong quá trình thi công có phát sinh sản lượng tài nguyên mà được phép quản lý khai thác tài nguyên theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao bán đối với tài nguyên thiên nhiên cấm khai thác hoặc khai thác trái phép bị bắt giữ, tịch thu thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Tài chính:

a) Báo cáo Bảng giá tính thuế tài nguyên tỉnh Quảng Nam cho Bộ Tài chính (thay UBND tỉnh), đảm bảo đúng thời gian quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ vào khung giá tính thuế tài nguyên quy định tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 và nội dung hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính để tham mưu UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên theo quy định để áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Cục Thuế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường, Sở Tài chính và các Sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân có chức năng hoạt động kinh doanh liên quan đến tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm việc đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên theo quy định. Đồng thời, theo dõi biến động của giá tính thuế tài nguyên hoặc phát sinh loại tài nguyên mới để tổng hợp gửi Sở Tài chính kiểm tra, tham mưu trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung.

3. Cơ quan Hải quan phối hợp cung cấp Tờ khai hải quan xuất khẩu đối với loại tài nguyên xuất khẩu.

4. Các Sở: Công thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban QL Khu Kinh tế mở Chu Lai, các đơn vị liên quan:

a) Rà soát Danh mục Tên nhóm, loại tài nguyên, sản phẩm tài nguyên liên quan đến ngành quản lý và hiện có trên địa bàn tỉnh để đề xuất xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên.

b) Chủ trì xác định sản phẩm là sản phẩm công nghiệp, chi phí chế biến của các sản phẩm công nghiệp sử dụng tài nguyên khai thác thuộc ngành quản lý.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Rà soát Danh mục Tên nhóm, loại tài nguyên, sản phẩm tài nguyên hiện có trên địa bàn để đề xuất xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018 và thay thế Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh.



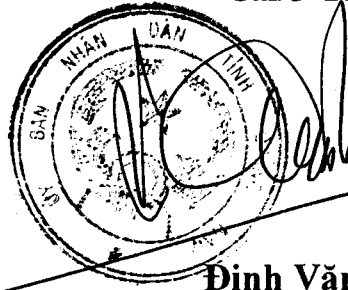
Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /..k

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: TC, TN&MT, NN&PTNT, CT (b/c);
- Tổng cục Thuế;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh
- Cục KT văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH, VP HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH QNam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, KTTH (2).LDQ (92).

E:\Lệ Dang Quang KTTH\Dropbox\cong van di\2017\Thang 11\02-11-2017 Quyết định gia tinh thue tai nguyen.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu